VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2023 hợp nhất Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

(Tiếp theo Công báo số 789 + 790)

Phụ lục VII
BIỂU MẪU MIỄN THUẾ, GIẢM THUẾ, HOÀN THUẾ, KHÔNG THU THUẾ
(Kèm theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)

Mẫu số 02h5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
INDEPENDENCE - FREEDOM - HAPPINESS

BỘ TÀI CHÍNH
MINISTRY OF FINANCE

SỔ ĐỊNH MỨC MIỄN THUẾ
QUOTA BOOK FOR DUTY FREE GOODS

***Số sổ:*.....CN/.....**
***Sổ quản lý:*.....**

Sổ cá nhân
(Personal book)

HƯỚNG DẪN

1. Sổ định mức miễn thuế được sử dụng khi người được cấp sổ tự nhập khẩu, tạm nhập khẩu hay ủy quyền nhập khẩu, tạm nhập khẩu các hàng hóa vào Việt Nam.

2. Khi mất Sổ, người được cấp Sổ cần thông báo ngay cho Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi cấp Sổ.

3. Khi kết thúc nhiệm kỳ công tác, Sổ định mức miễn thuế này phải được gửi trả về Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi cấp Sổ.

4. Sổ này gồm 06 trang được đánh số từ trang 1 đến trang 6 (trừ trang bìa), được in trên khổ A5, trang bìa có màu da cam.

5. Sổ này kèm phụ lục tem rượu, bia, thuốc lá.

6. Bộ Tài chính in, phát hành, quản lý, sử dụng Sổ định mức miễn thuế.

INSTRUCTION

1. The quota book is also used when the user of the quota book (the person to whom the quota book is issued) imports commodities by himself/herself or authorizes the other to import commodities into Viet Nam.

2. If the book is lost, the user is requested to inform immediately to the Provincial or Municipal Customs Department issues the book.

3. When completing the mission term, the user should return the quota book to the Provincial or Municipal Customs Department issues the book.

4. This book includes 06 pages, is numbered from 1 to 6 (except for the cover page) and printed on A5 size; the cover page is orange.

5. This book is attached with stamps of alcohol, beer and cigarettes.

6. The Ministry of Finance prints, issues, manages and uses the quota book.

XÁC NHẬN CỦA CỤC HẢI QUAN TỈNH, THÀNH PHỐ
VỀ THÂN PHẬN VÀ TIÊU CHUẨN MUA HÀNG MIỄN THUẾ
Certification of the Provincial or Municipal Customs Department

Ông/bà: .....

Mr/Mrs

Chức vụ: .....

Position:

Cơ quan: .....

Mission:

Được hưởng ưu đãi theo Điều ước..... hoặc thỏa thuận..... từ ngày.....

Enjoys the privileges and immunities under..... date .....

Chủng loại và định lượng được nhập khẩu, tạm nhập khẩu, mua hàng miễn thuế theo Điều ước/thỏa thuận/Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủng loại và định lượng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế theo Điều ước quốc tế/thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với tổ chức phi Chính phủ nước ngoài gồm:

The list and quota of duty-free goods allowed to be imported, temporarily imported, purchased as stipulated in Treaties/Agreements/Prime Minister's Decisions approving the list and quota of duty-free imported goods according to International Treaties/Agreements between the Government of Viet Nam and foreign non-Government organizations consist of:

1. Ô tô/Automobile ..... Chiếc/vehicle(s)
2. Xe hai bánh gắn máy/Motorcycle ..... Chiếc/vehicle(s)
3. Rượu/Wine, alcohol ..... Lít/Quý/liter(s)/quarter
4. Bia/Beer ..... Lít/Quý/liter(s)/quarter
5. Thuốc lá/Cigarette ..... Tút/Quý/carton(s)/quarter
6. Hàng hóa khác/Others

..., ngày... tháng... năm...

Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố

Chief of Provincial or Municipal Customs Department

THEO DÕI ĐỊNH LƯỢNG MIỄN THUẾ MẶT HÀNG XE Ô TÔ, XE HAI BÁNH GẮN MÁY/THE QUOTA OF DUTY-FREE GOODS (AUTOMOBILE, MOTORCYCLE)

1. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import..... ngày/dated..... của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or Municipal Customs Department of.....

Số lượng/Quantity: ..... xe ô tô/Automobile(s);

..... xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

2. Giấy tạm nhập khẩu số/Number of permit for temporary import..... ngày/dated..... của Cục Hải quan tỉnh, thành phố/Issued by Provincial or Municipal Customs Department of.....

Số lượng/Quantity: ..... xe ô tô/Automobile(s);

..... xe hai bánh gắn máy/Motorcycle(s).

Đóng dấu treo của cơ quan Hải quan nơi cấp Giấy tạm nhập khẩu/Hanging seal of Customs Department By which the permit for temporary import was issued

Ghi chú: Cục Hải quan tỉnh, thành phố khi cập nhật thông tin Giấy tạm nhập khẩu tại trang này, thực hiện đóng dấu treo của đơn vị.

BỊ CHÚ/OBSERVATION

Phụ lục tem rượu, bia, thuốc lá
Appendix on stamps of alcohol, beer and cigarettes

1. Phụ lục gồm các loại tem để quản lý 3 mặt hàng: rượu, bia, thuốc lá/The appendix comprises stamps for the management of 3 goods: alcohol, beer and cigarettes.

2. Số Sổ định mức miễn thuế được in trên mỗi tem/The Quota book number is printed on each stamp.

3. Số lượng tem mặt hàng rượu, bia, thuốc lá tại Phụ lục phù hợp với định lượng miễn thuế quy định tại điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với tổ chức phi Chính phủ nước ngoài hoặc định lượng tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủng loại và định lượng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế theo Điều ước quốc tế/thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với tổ chức phi Chính phủ nước ngoài/The quantity of stamps for the management of alcohol, beer and cigarettes in the Appendix is consistent with the duty-free quota stipulated in international treaties/agreements between the Government of Viet Nam and foreign non-government organizations or consistent with the quota stipulated in the Prime Minister's Decision approving the list and quota of duty-free imported goods according to international treaties/agreements between the Government of Viet Nam and foreign non-government organizations.

4. Các chủng loại tem/Types of Stamps:

a) Đối với mặt hàng rượu gồm các loại tem: 0,75 lít, 1,5 lít, 2 lít, 3 lít, 4,5 lít, 6 lít, 18 lít được đánh số thứ tự trên mặt tem từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for alcohol: includes types of 0,75 liters, 1,5 liters, 2 liters, 03 liters, 4,5 liters, 6 liters, 18 liters, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.

b) Đối với mặt hàng bia gồm các loại tem: 8 lít, 12 lít, 16 lít được đánh số thứ tự từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for beer: includes types of 8 liters, 12 liters, 16 liters, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.

c) Đối với mặt hàng thuốc lá gồm loại tem: 1 tút được đánh số thứ tự từ 1 đến hết số lượng tem theo từng quý/Stamps for cigarette: includes types of 1 carton, numbered from 1 to the maximum number as quarterly allowed.

5. Tem này chỉ có giá trị khi xuất trình cùng với Sổ định mức miễn thuế/This stamp is only valid when presented with the Quota book.

Mẫu số 02i

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC

Số:.../...
V/v cấp Sổ định mức miễn thuế hoặc bổ sung định lượng hàng hóa miễn thuế

..., ngày... tháng... năm...

Kính gửi: Cục Hải quan tỉnh, thành phố...

Căn cứ điểm c, điểm d khoản 1, khoản 8 Điều 5 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

Đề nghị Cục Hải quan tỉnh, thành phố... cấp Sổ định mức miễn thuế/bổ sung định lượng hàng hóa vào Sổ định mức miễn thuế cho ông/bà:...

Giấy phép lao động hoặc văn bản có giá trị tương đương số:..., ngày cấp.../.../...

Nơi cấp:...

Có giá trị đến ngày:.../.../...

Cơ quan công tác:...

Số điện thoại:...; Số Fax:...

(Tên cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế ngoài hệ thống Liên hợp quốc/Cơ quan đại diện của tổ chức phi Chính phủ)... kính đề nghị Cục Hải quan tỉnh, thành phố... thực hiện cấp Sổ định mức miễn thuế/bổ sung định lượng hàng hóa vào Sổ định mức miễn thuế cho ông/bà... theo quy định hiện hành./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CƠ QUAN/TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú: Mẫu này áp dụng đối với cá nhân quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ.

Mẫu số 03a

TÊN CƠ QUAN ĐỀ NGHỊ[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../... V/v miễn thuế hàng hóa nhập khẩu phục vụ trực tiếp an ninh/quốc phòng	*..., ngày... tháng... năm...*

Kính gửi: Tổng cục Hải quan.

Căn cứ khoản 22 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016.

Căn cứ Điều 20 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và khoản 2 Điều 2 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ.

Căn cứ Quyết định số... ngày.../.../... của... về việc phê duyệt kế hoạch nhập khẩu hàng hóa phục vụ an ninh/quốc phòng năm...

Căn cứ Giấy phép nhập khẩu số... ngày.../.../... của...

Cơ quan... [1] đề nghị Tổng cục Hải quan miễn thuế hàng hóa nhập khẩu chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho an ninh/quốc phòng, cụ thể như sau:

1. Tên doanh nghiệp nhập khẩu:...

2. Mã số thuế:... Địa chỉ:...

3. Tên hàng:...

4. Số lượng:...

5. Trị giá (tính bằng USD hoặc nguyên tệ):...

6. Hàng hóa nhập khẩu thuộc mục:..., phụ lục:... Quyết định số... ngày.../.../... của...

7. Giấy phép nhập khẩu số... ngày.../.../...

8. Hợp đồng nhập khẩu số... ngày.../.../...

9. Hợp đồng ủy thác nhập khẩu/hợp đồng mua bán/hợp đồng cung cấp hàng hóa số... ngày.../.../...

10. Nơi dự kiến đăng ký tờ khai hải quan (ghi rõ tại Chi cục thuộc Cục Hải quan):...

Cơ quan... (1) đề nghị Tổng cục Hải quan miễn thuế đối với lô hàng nêu trên./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Doanh nghiệp nhập khẩu;
- ...
- Lưu:...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan đề nghị (Bộ Công an/Bộ Quốc phòng hoặc đơn vị được ủy quyền/phân cấp).

Hồ sơ gửi kèm công văn này gồm:

- Giấy phép nhập khẩu: 01 bản chính;

- Hợp đồng nhập khẩu hàng hóa: 01 bản chụp;

- Hợp đồng ủy thác nhập khẩu/hợp đồng mua bán/hợp đồng cung cấp hàng hóa: 01 bản chụp;

- Các tài liệu, chứng từ khác có liên quan (nếu có): 01 bản chụp.

Mẫu số 04

DANH MỤC HÀNG HÓA ĐỀ NGHỊ MIỄN THUẾ ĐỂ PHỤC VỤ ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI, THẢM HỌA, DỊCH BỆNH VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT KHÁC

(Kèm theo công văn số... ngày... của...)

1. Tên tổ chức/cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu:...

2. Mã số thuế:...

3. CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:...

Ngày cấp:.../.../...

4. Nơi cấp:... Quốc tịch:...

5. Địa chỉ:...

6. Số điện thoại:... Số Fax:...

7. Tên chương trình, dự án (nếu có):...

8. Địa điểm thực hiện chương trình, dự án (nếu có):...

9. Dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu tại cơ quan hải quan:...

10. Thời gian dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa miễn thuế:...

11. Thời gian dự kiến kết thúc việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa miễn thuế...

12. Nội dung về hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu:

STT	Tên hàng, quy cách phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá	Số, ngày chứng từ liên quan[1]	Ghi chú

Ghi chú:

[1] Số ngày Hợp đồng xuất khẩu, hợp đồng nhập khẩu, vận đơn hoặc các chứng từ khác có liên quan.

Mẫu số 05

TÊN TỔ CHỨC[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../... V/v thông báo Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu	*..., ngày... tháng... năm...*

Kính gửi: Cơ quan Hải quan...[2]

Tên tổ chức/cá nhân:... [3]

Mã số thuế:...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:... Ngày cấp:.../.../...

Nơi cấp:... Quốc tịch:...

Địa chỉ:...

Số điện thoại:... Số Fax:...

Lĩnh vực hoạt động:...

Lý do miễn thuế: (ghi cụ thể đối tượng miễn thuế, cơ sở xác định đối tượng miễn thuế)...

Nay,...[3] thông báo Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu của:

Dự án đầu tư...

- Ngành nghề đầu tư:...
- Địa bàn đầu tư:...
- Hạng mục công trình:...
- ...

(Nếu xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa cho toàn bộ dự án thì không cần ghi chi tiết hạng mục công trình)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư... số... ngày... được cấp bởi...

Thời gian dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu từ... đến...

Các giấy tờ kèm theo gồm:

- 02 Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu, 01 phiếu theo dõi, trừ lùi (trường hợp thông báo Danh mục miễn thuế bằng giấy); trường hợp thông báo Danh mục miễn thuế trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan hải quan (tổ chức/cá nhân nêu rõ số... ngày... Danh mục miễn thuế đã được thông báo trên Hệ thống).

- Các chứng từ làm cơ sở xác định hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

Tổ chức/cá nhân...(3) cam kết xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đúng mục đích đã được miễn thuế.

Đề nghị Cơ quan hải quan...(2) tiếp nhận thông báo Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu cho tổ chức/cá nhân..../.

Nơi nhận:	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA**
- Như trên;	**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN** *(hoặc người được ủy quyền*
- Lưu:...	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Đối với cá nhân: Bỏ trống.

(2) Ghi tên cơ quan hải quan nơi tiếp nhận thông báo Danh mục miễn thuế.

(3) Ghi tên tổ chức/cá nhân thông báo Danh mục miễn thuế.

Mẫu số 06

DANH MỤC
HÀNG HÓA MIỄN THUẾ DỰ KIẾN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Số:... ngày...

1. Tên tổ chức/cá nhân:...

Mã số thuế:...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:... Ngày cấp:.../.../...

Nơi cấp:... Quốc tịch:...

Số điện thoại:... Số Fax:...

2. Địa chỉ trụ sở tổ chức/cá nhân:...

3. Tên dự án đầu tư:...

4. Địa điểm thực hiện dự án:...

5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư... số... ngày... được cấp bởi...

6. Ngày bắt đầu nhập khẩu:... Ngày bắt đầu sản xuất:...

Số, ngày công văn thông báo ngày bắt đầu sản xuất(1):...

7. Thông báo tại cơ quan hải quan:...

8. Thời gian dự kiến kết thúc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa miễn thuế:...

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá/Trị giá dự kiến	Ghi chú

Ngày... tháng... năm...
CƠ QUAN HẢI QUAN TIẾP NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ngày... tháng... năm...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(hoặc người được ủy quyền)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Trường hợp thông báo Danh mục hàng hóa miễn thuế bằng giấy, cơ quan hải quan làm thủ tục tiếp nhận ghi số, ngày Danh mục hàng hóa miễn thuế theo số, ngày ghi trong Sổ theo dõi tiếp nhận.

- [(1)] Đối với trường hợp miễn thuế 05 năm.

Mẫu số 07

Tờ số.../Tổng số tờ

PHIẾU THEO DÕI,
TRỪ LÙI HÀNG HÓA MIỄN THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU

1. Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu số... ngày... tháng... năm...

2. Tên tổ chức/cá nhân...

Mã số thuế:...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:... Ngày cấp:.../.../...

Nơi cấp:... Quốc tịch:...

Số điện thoại:... Số Fax:...

3. Địa chỉ trụ sở tổ chức/cá nhân:...

4. Tên dự án đầu tư:...

STT	Số, ngày tờ khai hải quan	Tên hàng, quy cách phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo tờ khai hải quan	Số lượng hàng hóa còn lại chưa xuất khẩu, nhập khẩu	Công chức hải quan trừ lùi, ký tên, đóng dấu công chức
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

CƠ QUAN HẢI QUAN
TIẾP NHẬN PHIẾU THEO DÕI TRỪ LÙI
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Đối với trường hợp thông báo Danh mục miễn thuế bằng giấy.

- Cơ quan hải quan nơi tiếp nhận phiếu theo dõi trừ lùi ghi các tiêu chí tại các mục 1, 2, 3, 4, tờ số/tổng số tờ; (Trường hợp Phiếu theo dõi trừ lùi gồm nhiều tờ, cơ quan hải quan đóng dấu treo lên tất cả các tờ).

- Cơ quan hải quan nơi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa ghi số liệu các cột từ 1 đến 7 của Phiếu theo dõi trừ lùi.

- Khi tổ chức/cá nhân đã xuất khẩu, nhập khẩu hết hàng hóa theo Danh mục đã thông báo, Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục cuối cùng xác nhận lên bản chính "đã xuất khẩu/nhập khẩu hết hàng hóa miễn thuế" và gửi 01 bản sao y bản chính cho Cục Hải quan nơi tiếp nhận thông báo Danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu.

Mẫu số 08

TÊN TỔ CHỨC[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../... V/v đề nghị giảm thuế xuất khẩu/nhập khẩu	*..., ngày... tháng... năm...*

Kính gửi:...[2]

1. Tên tổ chức/cá nhân:...

2. Mã số thuế:...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:... Ngày cấp:.../.../...

Nơi cấp:... Quốc tịch:...

Số điện thoại:... Số Fax:...

3. Địa chỉ trụ sở:...

4. Nội dung đề nghị:...

5. Lý do đề nghị giảm thuế:... [3]

6. Thông tin về tiền thuế đề nghị giảm:

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	Số, ngày tờ khai hải quan	Đơn vị tính	Số lượng hàng hóa theo tờ khai hải quan	Trị giá tính thuế	Tỷ lệ tổn thất	Loại thuế	Số tiền thuế phải nộp (VNĐ)	Số tiền thuế đề nghị giảm (VNĐ)
Tổng cộng									

Tổng số tiền thuế đề nghị giảm bằng chữ:...

Hồ sơ, tài liệu kèm theo...[4]

Tổ chức/cá nhân... cam đoan nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu:...	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** *(hoặc người được ủy quyền)* *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Đối với cá nhân: Bỏ trống.

(2) Tên cơ quan hải quan tiếp nhận hồ sơ giảm thuế.

(3) Ghi rõ lý do và điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.

(4) Liệt kê tên loại tài liệu kèm theo.

Mẫu số 09

TÊN TỔ CHỨC[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../... V/v đề nghị hoàn thuế	*..., ngày... tháng... năm...*

Kính gửi:...[2] (Tên cơ quan có thẩm quyền hoàn thuế)

I. Thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị hoàn thuế

1. Tên người nộp thuế:...

Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:... Ngày cấp:.../.../... Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Địa chỉ:...

Quận/huyện:... Tỉnh/thành phố:...

Điện thoại:... Fax:... Email:...

2. Tên người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác:...

Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:... Ngày cấp:.../.../... Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Địa chỉ:...

Quận/huyện:... Tỉnh/thành phố:...

Điện thoại:... Fax:... Email:...

Hợp đồng đại lý hải quan số:... ngày...

II. Nội dung đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách Nhà nước

1. Thông tin về thuế đề nghị hoàn trả:

Đơn vị tiền: VNĐ

STT	Loại thuế	Thông tin tờ khai hải quan/tờ khai hải quan bổ sung		Thông tin Số, ngày Quyết định ấn định thuế		Số tiền thuế đã nộp vào tài khoản		Số tiền thuế đề nghị		
		Số tờ khai	Ngày tờ khai	Số Quyết định	Ngày Quyết định	Thu ngân sách Nhà nước	Tài khoản tiền gửi	Bù trừ số tiền thuế, thu khác còn nợ	Bù trừ vào số tiền thuế phải nộp	Hoàn trả trực tiếp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Tổng cộng:										

(Bằng chữ:...)

2. Lý do đề nghị hoàn thuế:... (3)

3. Thông tin về hàng hóa đề nghị hoàn thuế:

3.1. Thực hiện thanh toán qua Ngân hàng:

□ Có, số chứng từ thanh toán:...

□ Không.

3.2. Hàng hóa chưa qua sử dụng, gia công, chế biến

□ Có

□ Không

3.3. Đối với máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất

a) Thời gian sử dụng và lưu lại tại Việt Nam:

b) Tỷ lệ mức khấu hao, phân bổ trị giá hàng hóa:

c) Thực hiện theo hình thức thuê

□ Có

□ Không

d) Giá tính thuế nhập khẩu tính trên giá đi thuê, đi mượn: [4]

□ Có

□ Không

4. Hình thức hoàn trả

4.1. Bù trừ cho số tiền thuế, thu khác còn nợ (cột 9) thuộc tờ khai hải quan số... ngày...

4.2. Bù trừ vào số tiền thuế phải nộp (cột 10) thuộc tờ khai hải quan số... ngày...

4.3. Hoàn trả trực tiếp (cột 11):

Số tiền hoàn trả: Bằng số:...

Bằng chữ:...

Trong đó:

□ Chuyển khoản: Tài khoản số:... Tại Ngân hàng (Kho bạc Nhà nước)...

□ Tiền mặt: Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước...

Hồ sơ, tài liệu kèm theo:...[5]

Tổ chức/cá nhân cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ HẢI QUAN	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Họ và tên:...	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**
Chứng chỉ hành nghề số:...	**CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
	(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

[1] Đối với cá nhân: Bỏ trống.

[2] Tên cơ quan có thẩm quyền hoàn thuế.

[3] Ghi rõ lý do và điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.

[4] Trường hợp máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất khi tạm nhập giá tính thuế nhập khẩu được tính trên giá đi thuê, đi mượn thì không thuộc các trường hợp được hoàn thuế.

[5] Liệt kê tài liệu kèm theo.

Mẫu số 09a

TÊN TỔ CHỨC[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../... V/v đề nghị không thu thuế	*..., ngày... tháng... năm...*

Kính gửi:...[2]

I. Thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị không thu thuế

1. Tên người nộp thuế:...

Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:... Ngày cấp:.../.../... Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Địa chỉ:...

Quận/huyện:... Tỉnh/thành phố:...

Điện thoại:... Fax:... Email:...

2. Tên người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác:...

Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:... Ngày cấp:.../.../... Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Địa chỉ:...

Quận/huyện:... Tỉnh/thành phố:...

Điện thoại:... Fax:... Email:...

Hợp đồng đại lý hải quan số:... ngày...

II. Thông tin về hàng hóa đề nghị không thu thuế

1. Số tờ khai:... ngày... tháng... năm... Nơi đăng ký tờ khai:...

Tên hàng, mô tả hàng hóa:...

Số lượng:...

Trị giá:...

2. Thực hiện thanh toán qua ngân hàng:

□ Có, số chứng từ thanh toán:...

□ Không.

3. Hàng hóa chưa qua sử dụng, gia công, chế biến

□ Có

□ Không

4. Đối với máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất thuộc trường hợp hoàn thuế nhưng người nộp thuế chưa nộp thuế

a) Thời hạn sử dụng và lưu lại tại Việt Nam:

b) Tỷ lệ mức khấu hao, phân bổ trị giá hàng hóa:

c) Thực hiện theo hình thức thuê:

□ Có

□ Không

d) Giá tính thuế nhập khẩu tính trên giá đi thuê, đi mượn: (3)

□ Có

□ Không

III. Thông tin về số tiền thuế đề nghị không thu

1. Thông tin về tiền thuế

Đơn vị: VNĐ

STT	LOẠI THUẾ	Số tiền đề nghị không thu
1	Thuế xuất khẩu	
2	Thuế nhập khẩu	
3	Thuế tự vệ	
4	Thuế chống bán phá giá	
5	Thuế chống trợ cấp	
6	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
7	Thuế bảo vệ môi trường	
8	Thuế giá trị gia tăng	
Tổng cộng *(bằng số)*		

(Bằng chữ:...)

2. Lý do đề nghị không thu thuế:...[4]

3. Hồ sơ, tài liệu kèm theo:...[5]

Tổ chức/cá nhân cam đoan thông tin khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ HẢI QUAN	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Họ và tên:...	*(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))*
Chứng chỉ hành nghề số:...	

Ghi chú:

[1] Đối với cá nhân: Bỏ trống.

[2] Tên cơ quan có thẩm quyền không thu thuế.

[3] Trường hợp máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất khi tạm nhập giá tính thuế nhập khẩu được tính trên giá đi thuê, đi mượn thì không thuộc các trường hợp được hoàn thuế, không thu thuế.

[4] Ghi rõ lý do và điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng. Trường hợp đề nghị không thu thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng hoàn thuế nhưng người nộp thuế chưa nộp thuế thì phải ghi rõ vào mục này.

[5] Liệt kê tài liệu kèm theo.

Mẫu số 10

BÁO CÁO TÍNH THUẾ NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ ĐỀ NGHỊ HOÀN THUẾ NHẬP KHẨU

(Kèm theo Công văn đề nghị hoàn thuế số... ngày...)

Tên người nộp thuế:...

Mã số thuế:... Địa chỉ:...

Số, ngày Hợp đồng nhập khẩu:...

Số, ngày Hợp đồng xuất khẩu:...

STT	Tờ khai nhập khẩu nguyên liệu, vật tư (NL, VT)							Tờ khai xuất khẩu sản phẩm				Mã nguyên liệu, vật tư nhập khẩu	Mã sản phẩm xuất khẩu	Lượng NL, VT sử dụng cho sản phẩm xuất khẩu	Định mức sử dụng thực tế	Số tiền thuế nhập khẩu đã nộp	Số tiền thuế đề nghị hoàn/ không thu	Ghi chú
	Số, ngày tờ khai hải quan	Tên nguyên liệu, vật tư theo tờ khai hải quan	Đơn vị tính	Lượng	Trị giá tính thuế	Thuế suất thuế nhập khẩu	Số tiền thuế nhập khẩu phải nộp	Số, ngày tờ khai hải quan	Tên sản phẩm theo tờ khai hải quan	Đơn vị tính	Lượng							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)

..., ngày... tháng... năm...

NGƯỜI NỘP THUẾ (hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 11

DANH SÁCH CÁ NHÂN/HỘ GIA ĐÌNH, HỘ KINH DOANH ĐẦU TƯ, TRỒNG SẢN PHẨM NÔNG SẢN TẠI TỈNH... CỦA CAMPUCHIA TIẾP GIÁP TỈNH... BIÊN GIỚI CỦA VIỆT NAM NĂM...

(Kèm theo văn bản số... ngày... tháng... năm... của Ủy ban Nhân dân tỉnh...)

STT	Tên cá nhân/đại diện hộ gia đình, hộ kinh doanh	Địa chỉ cư trú[1]	Tên sản phẩm nông sản đầu tư, trồng tại Campuchia	Diện tích đầu tư hiện tại	Diện tích đầu tư dự kiến mở rộng trong năm...	Dự kiến sản lượng sản phẩm nhập khẩu về Việt Nam năm...	Ghi chú

Ghi chú:

[1] Nơi thường trú hoặc nơi tạm trú theo quy định tại Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 12

CỤC HẢI QUAN...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../QĐ...	*..., ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giảm thuế đối với hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN TỈNH, THÀNH PHỐ...(1)

Căn cứ Điều 18 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Điều 32 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;

Căn cứ...;

Căn cứ hồ sơ đề nghị giảm thuế của (Tên người nộp thuế, mã số thuế, địa chỉ)...;

Theo đề nghị của...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giảm số tiền thuế phải nộp đối với hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu của *(Tên/Địa chỉ người nộp thuế, mã số thuế, thuộc tờ khai/quyết định ấn định thuế số... ngày...)* như sau:

STT	LOẠI THUẾ	SỐ TIỀN
1	Thuế xuất khẩu	
2	Thuế nhập khẩu	
3	Thuế tự vệ	
4	Thuế chống bán phá giá	
5	Thuế chống trợ cấp	

STT	LOẠI THUẾ	SỐ TIỀN
6	Thuế tiêu thụ đặc biệt	
7	Thuế bảo vệ môi trường	
8	Thuế giá trị gia tăng	
	Tổng cộng	

Bằng chữ:...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *(Tên người nộp thuế)*; *(các đơn vị có liên quan của cơ quan hải quan)* chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: VT,...

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Trường hợp giảm thuế trong thông quan thuộc thẩm quyền của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan: Ghi "Chi cục trưởng Chi cục Hải quan...".

Mẫu số 13

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../... V/v đề nghị xác nhận chủng loại, định lượng hàng hóa miễn thuế theo điều ước quốc tế	*..., ngày... tháng... năm...*

Kính gửi:...[2]

Căn cứ khoản 12 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Tên tổ chức/cá nhân:...

Mã số thuế:...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:...

Ngày cấp:.../.../... Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Địa chỉ:...

Số điện thoại:... Số Fax:...

Lĩnh vực hoạt động:...

Lý do miễn thuế: (ghi cụ thể đối tượng miễn thuế, cơ sở xác định đối tượng miễn thuế)...

Do điều ước quốc tế... không quy định cụ thể chủng loại, định lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế theo điều ước quốc tế, tổ chức, cá nhân... đề nghị...[2] xác nhận hàng hóa miễn thuế theo điều ước quốc tế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu dưới đây của:

- Dự án đầu tư/hoạt động sử dụng hàng hóa miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu...

- Ngành nghề, địa bàn đầu tư...

- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện (ghi rõ mục đích xác nhận Danh mục thực hiện miễn thuế cho toàn bộ dự án hoặc theo hạng mục công trình hoặc giai đoạn hoặc tổ hợp, dây chuyền hoặc năm tài chính)...

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư... số... ngày... được cấp bởi...

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến xuất khẩu/ nhập khẩu	Trị giá dự kiến xuất khẩu/ nhập khẩu	Ghi chú

Thời gian dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu từ... đến...

Tổ chức/cá nhân... cam kết xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đúng mục đích đã được miễn thuế.

Đề nghị... (2) xác nhận chủng loại, định lượng hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu cho tổ chức/cá nhân... theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT,...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Đối với cá nhân: Bỏ trống.

(2) Ghi tên cơ quan đề xuất ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế, cơ quan quản lý chuyên ngành.

Mẫu số 14

TÊN CƠ QUAN[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../... V/v xác nhận chủng loại, định lượng hàng hóa miễn thuế theo điều ước quốc tế	*..., ngày... tháng... năm...*

Kính gửi: Tổ chức/Cá nhân...[2]

Căn cứ khoản 4 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ khoản 12 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Điều ước quốc tế... ngày... ký giữa...

Căn cứ hồ sơ đề nghị xác nhận chủng loại, định lượng hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu theo điều ước quốc tế của tổ chức/cá nhân[2]...

Nay,...[1] xác nhận chủng loại, định lượng hàng hóa miễn thuế dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu theo điều ước quốc tế, cụ thể như sau:

1. Tên tổ chức/cá nhân:...

Mã số thuế:...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:...

Ngày cấp:.../.../... Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Số điện thoại:... Số Fax:...

2. Địa chỉ:...

3. Tên dự án đầu tư/hoạt động sử dụng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế...

4. Địa điểm thực hiện dự án/hoạt động sử dụng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế...

5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư..... số... ngày... được cấp bởi...

6. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để thực hiện (ghi rõ mục đích xác nhận Danh mục thực hiện miễn thuế cho toàn bộ dự án hoặc theo hạng mục công trình hoặc giai đoạn hoặc tổ hợp, dây chuyền hoặc năm tài chính)...

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến xuất khẩu/nhập khẩu	Trị giá dự kiến xuất khẩu/nhập khẩu	Ghi chú

7. Thời gian dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu từ... đến...

Nơi nhận:
- Như trên;
- ...
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan đề xuất ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành.

(2) Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận chủng loại, định lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế theo điều ước quốc tế.

Mẫu số 15

TÊN TỔ CHỨC[1]

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÀNG HÓA NHẬP KHẨU MIỄN THUẾ THEO TỔ HỢP, DÂY CHUYỀN

(Theo tờ khai số... ngày... tháng... năm... tại Chi cục Hải quan...)

1. Tên tổ chức/cá nhân:...

Mã số thuế:...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:...

Ngày cấp:.../.../... Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

2. Địa chỉ:...

Số điện thoại:... Số Fax:...

3. Tên dự án đầu tư:...

4. Địa điểm thực hiện dự án:...

5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư... số... ngày... được cấp bởi...

6. Tên tổ hợp, dây chuyền nhập khẩu:...

7. Danh mục miễn thuế nhập khẩu số... ngày... đăng ký tại cơ quan hải quan...

8. Thời gian dự kiến kết thúc nhập khẩu hàng hóa miễn thuế:...

9. Thời gian dự kiến hoàn thiện lắp đặt tổ hợp, dây chuyền:...

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá/trị giá dự kiến nhập khẩu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng số					

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(hoặc người được ủy quyền)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Đối với cá nhân: Bỏ trống.

Cột 2: Ghi rõ tên, quy cách, phẩm chất của từng máy móc, thiết bị thuộc tổ hợp dây chuyền.

- Trường hợp tách được trị giá/trị giá dự kiến của từng dòng hàng nhập khẩu thì khai vào cột (5);

- Trường hợp không tách được thì khai tổng trị giá của lô hàng theo tờ khai vào dòng tổng số.

Mẫu số 16

TÊN TỔ CHỨC[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../... V/v thông báo kết thúc nhập khẩu hàng hóa theo tổ hợp, dây chuyền	*..., ngày... tháng... năm...*

Kính gửi: Cơ quan hải quan nơi thông báo Danh mục miễn thuế

1. Tên tổ chức/cá nhân:...

Mã số thuế:...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:...

Ngày cấp:.../.../... Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Số điện thoại:... Số Fax:...

2. Địa chỉ:...

3. Tên dự án đầu tư:...

4. Địa điểm thực hiện dự án:...

5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư..... số..... ngày..... được cấp bởi...

6. Tên tổ hợp, dây chuyền nhập khẩu:...

7. Danh mục miễn thuế nhập khẩu số... ngày... đăng ký tại cơ quan hải quan...

8. Thời gian nhập khẩu hàng hóa miễn thuế từ ngày... đến ngày...

9. Thời gian dự kiến hoàn thành lắp đặt tổ hợp, dây chuyền:...

10. Số tiền thuế nhập khẩu của tổ hợp dây chuyền được miễn:...

11. Cơ quan hải quan nơi nhập khẩu hàng hóa theo tổ hợp, dây chuyền:...

12. Hàng hóa đã nhập khẩu thuộc tổ hợp, dây chuyền bao gồm:

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá/trị giá dự kiến nhập khẩu	Tờ khai nhập khẩu số/ngày	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng số					

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT,...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN *(hoặc người được ủy quyền)*
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Đối với cá nhân: Bỏ trống.

- Cột (5): Trường hợp không khai báo được trị giá theo từng dòng hàng thì tổ chức, cá nhân khai báo trị giá theo tổ hợp, dây chuyền tại dòng tổng số.

Mẫu số 17

TÊN TỔ CHỨC[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../... V/v thông báo chuyển nhượng dự án đầu tư	*..., ngày... tháng... năm...*

Kính gửi: Cơ quan hải quan nơi thông báo Danh mục miễn thuế

1. Tên tổ chức/cá nhân:...

Mã số thuế:...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:... Ngày cấp:.../.../... Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Số điện thoại:... Số Fax:...

2. Địa chỉ trụ sở của tổ chức/cá nhân:...

3. Tên dự án đầu tư:...

4. Địa điểm thực hiện dự án:...

5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư...

6. Lý do miễn thuế:

7. Tổ chức/cá nhân chuyển nhượng... đã thực hiện thông báo Danh mục miễn thuế số... ngày... với cơ quan hải quan để thực hiện dự án... và đã nhập khẩu hàng hóa miễn thuế; nay, tổ chức/cá nhân... thông báo về việc chuyển nhượng toàn bộ/một phần dự án nêu trên cho... tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng... mã số thuế..., tại địa chỉ..., tiếp tục thực hiện dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư..... số..... ngày..... được cấp bởi....., hàng hóa chuyển nhượng như sau:

STT	Tờ khai nhập khẩu ban đầu (số, ngày)	Hàng hóa nhập khẩu đã được miễn thuế			Hàng hóa chuyển nhượng		Hàng hóa còn lại chưa chuyển nhượng (đối với trường hợp chuyển nhượng một phần dự án)		Ghi chú
		Tên hàng	Số lượng	Trị giá	Số lượng	Trị giá	Số lượng	Trị giá	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

8. Danh mục hàng hóa chưa nhập khẩu hết theo Danh mục miễn thuế số...(2) đã đăng ký/thông báo với cơ quan hải quan, được chủ dự án chuyển nhượng dự kiến tiếp tục nhập khẩu để thực hiện dự án:

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá/trị giá dự kiến nhập khẩu	Ghi chú

9. Danh mục hàng hóa chưa nhập khẩu hết theo Danh mục miễn thuế số...(2) đã đăng ký/thông báo với cơ quan hải quan, được tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng dự kiến tiếp tục nhập khẩu:

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá/trị giá dự kiến nhập khẩu	Ghi chú

10. Tổ chức/cá nhân chuyển nhượng..... xin nộp lại bản chính Danh mục miễn thuế, Phiếu theo dõi trừ lùi và bản chụp Hợp đồng chuyển nhượng dự án (kèm theo) cho cơ quan hải quan nơi thông báo Danh mục miễn thuế (đối với trường hợp thông báo Danh mục bản giấy) để cơ quan hải quan được biết và theo dõi.

Tổ chức/cá nhân chuyển nhượng..... xin cam kết những thông tin kê khai là hoàn toàn trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT,...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN *(hoặc người được ủy quyền)*
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Đối với cá nhân: Bỏ trống.

(2) Ghi số, ngày Danh mục miễn thuế đã được tổ chức/cá nhân chuyển nhượng hàng hóa (chủ dự án) đã thông báo/đăng ký với cơ quan hải quan.

Mẫu số 18

THÔNG BÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU MIỄN THUẾ

Tên tổ chức/cá nhân (chủ dự án):... Mã số thuế:...

Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:... ngày cấp... nơi cấp... tại...

Tên dự án đầu tư (Hạng mục đầu tư):...

Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án đầu tư (Hạng mục đầu tư)... Thời điểm kết thúc nhập khẩu hàng hóa...

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư..... số..... ngày..... được cấp bởi...

Tên Hợp đồng:...

Số:... Ngày:...

STT	Hàng hóa nhập khẩu miễn thuế			Đã sử dụng đúng mục đích miễn thuế	Đã thay đổi mục đích miễn thuế		Đã tiêu hủy	Tồn kho chưa sử dụng	Hạch toán vào sổ tài sản cố định theo quy định		Ghi chú
	Tên hàng	Số lượng	Tờ khai số, ngày	Số lượng	Số lượng	Tờ khai thay đổi mục đích sử dụng số, ngày	Số lượng	Số lượng	Được hạch toán tài sản cố định	Không được hạch toán tài sản cố định	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN *(hoặc người được ủy quyền)*
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 19

TÊN TỔ CHỨC[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../... V/v thông báo hoàn thành chế tạo máy móc, thiết bị	*..., ngày... tháng... năm...*

Kính gửi: Cơ quan hải quan nơi thông báo Danh mục miễn thuế

1. Tên tổ chức/cá nhân:...

Mã số thuế:...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:...

Ngày cấp:.../.../... Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Địa chỉ:...

Số điện thoại:... Số Fax:...

2. Tên dự án đầu tư:...

3. Địa điểm thực hiện dự án:...

4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư... số... ngày... được cấp bởi...

Tổ chức/cá nhân... thông báo với cơ quan hải quan từ ngày... đã hoàn thành chế tạo máy móc, thiết bị từ hàng hóa nhập khẩu miễn thuế theo Danh mục miễn thuế số... ngày... tại... Số lượng hàng hóa nhập khẩu đã được sử dụng để chế tạo máy móc, thiết bị như sau:

STT	**Thông tin hàng hóa nhập khẩu dùng để chế tạo**				**Số lượng hàng hóa đã sử dụng để chế tạo**	**Số lượng hàng hóa dư thừa sau chế tạo**	**Thông tin hàng hóa được chế tạo**			**Ghi chú**
	Tên hàng, quy cách, phẩm chất (chi tiết theo từng dòng hàng)	**Tờ khai nhập khẩu số/ ngày**	**Đơn vị tính**	**Số lượng**			**Tên hàng sau chế tạo**	**Đơn vị tính**	**Số lượng**	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

Tổ chức/cá nhân..... cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu khai báo với cơ quan hải quan và lưu giữ các tài liệu có liên quan để xuất trình cơ quan hải quan khi thực hiện thanh tra, kiểm tra./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT,...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN *(hoặc người được ủy quyền)*
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Đối với cá nhân: Bỏ trống.

Mẫu số 20

TÊN TỔ CHỨC[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../... V/v thông báo hoàn thiện lắp đặt tổ hợp, dây chuyền	*..., ngày... tháng... năm...*

Kính gửi: Cơ quan hải quan nơi thông báo Danh mục miễn thuế

1. Tên tổ chức/cá nhân:...

Mã số thuế:...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:...

Ngày cấp:.../.../... Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Địa chỉ:...

Số điện thoại:... Số Fax:...

2. Tên dự án đầu tư:...

3. Địa điểm thực hiện dự án:...

4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư... số... ngày... được cấp bởi...

Tổ chức/cá nhân... thông báo với cơ quan hải quan về việc đã hoàn thiện lắp đặt hàng hóa nhập khẩu miễn thuế theo tổ hợp, dây chuyền đã đăng ký theo Danh mục miễn thuế số... ngày... tại... từ ngày... Số lượng hàng hóa nhập khẩu được sử dụng để lắp đặt như sau:

STT	**Thông tin hàng hóa nhập khẩu**				**Số lượng hàng hóa đã sử dụng để lắp đặt**	**Số lượng hàng hóa dư thừa sau lắp đặt**	**Thông tin hàng hóa được lắp đặt**			**Ghi chú**
	Tên hàng, quy cách, phẩm chất (chi tiết theo từng dòng hàng)	**Tờ khai nhập khẩu số/ ngày**	**Đơn vị tính**	**Số lượng**			**Tên tổ hợp, dây chuyền**	**Đơn vị tính**	**Số lượng**	

Tổ chức/cá nhân..... cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu khai báo với cơ quan hải quan và lưu giữ các tài liệu có liên quan để xuất trình cơ quan hải quan khi thực hiện thanh tra, kiểm tra./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT,...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN *(hoặc người được ủy quyền)*
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Đối với cá nhân: Bỏ trống.

Mẫu số 21

TÊN TỔ CHỨC[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../... V/v thông báo dự án chính thức hoạt động đối với dự án đầu tư tại vùng nông thôn sử dụng từ 500 lao động trở lên	*..., ngày... tháng... năm...*

Kính gửi: Cơ quan hải quan nơi thông báo Danh mục miễn thuế

1. Tên tổ chức/cá nhân (chủ dự án):...

Mã số thuế:...

CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:...

Ngày cấp:.../.../... Nơi cấp:...

Quốc tịch:...

Số điện thoại:... Số Fax:...

2. Địa chỉ trụ sở của chủ dự án:...

3. Tên dự án đầu tư:...

4. Địa điểm thực hiện dự án:...

5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư..... số..... ngày..... được cấp bởi...

Tổ chức/cá nhân.... thông báo với cơ quan hải quan về ngày chính thức hoạt động của dự án là...

Tổ chức/cá nhân..... cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu khai báo với cơ quan hải quan và lưu giữ các tài liệu có liên quan để xuất trình cơ quan hải quan khi thực hiện thanh tra, kiểm tra./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: VT,...	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN** *(hoặc người được ủy quyền)* *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

[1] Đối với cá nhân: Bỏ trống.

Mẫu số 22

TÊN TỔ CHỨC XUẤT KHẨU TẠI CHỖ(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../...	*..., ngày... tháng... năm...*

THÔNG BÁO
HOÀN THÀNH THỦ TỤC HẢI QUAN NHẬP KHẨU TẠI CHỖ(2)

Kính gửi: Tên cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai xuất khẩu tại chỗ

1. Thông tin về tổ chức/cá nhân xuất khẩu tại chỗ

Tên người xuất khẩu tại chỗ:...

Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Địa chỉ:...

Điện thoại:... Fax:... Email:...

Hợp đồng đại lý hải quan (nếu có) số:... ngày...

2. Thông tin về hàng hóa xuất khẩu tại chỗ(3)

- Số, ngày tờ khai:... tại Chi cục Hải quan... thuộc Cục Hải quan tỉnh/TP...

- Mã loại hình tờ khai:...

- Người mua hàng/người đặt gia công/người chỉ định giao hàng/người ủy quyền (tên, địa chỉ):...

- Số ngày Hợp đồng xuất khẩu/hợp đồng gia công/chỉ định giao hàng/ủy quyền của thương nhân nước ngoài:...

3. Thông tin về tổ chức/cá nhân nhập khẩu tại chỗ

Tên người nhập khẩu tại chỗ:...

Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Địa chỉ:...

Điện thoại:... Fax:... Email:...

Tên đại lý hải quan (nộp thuế theo ủy quyền):...

Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Địa chỉ:...

Điện thoại:... Fax:... Email:...

Hợp đồng đại lý hải quan (nếu có) số:... ngày...

4. Thông tin về hàng hóa nhập khẩu tại chỗ đã hoàn thành thủ tục hải quan[(4)]

- Số, ngày tờ khai:... tại Chi cục Hải quan:... thuộc Cục Hải quan tỉnh/TP...

- Mã loại hình tờ khai:...

- Số, ngày Hợp đồng nhập khẩu:...

5. Thông tin khác có liên quan (nếu có):...

Người nộp thuế hoặc đại diện theo pháp luật của người nộp thuế cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

[(1)] Đối với cá nhân: Bỏ trống.

[(2)] Hoàn thành thủ tục hải quan nhập khẩu tại chỗ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Hải quan số 54/2014/QH13.

(3), (4) Trường hợp có nhiều tờ khai phải ghi chi tiết theo từng tờ khai vào phụ lục đính kèm Thông báo hoàn thành thủ tục hải quan nhập khẩu tại chỗ như sau:

Tờ khai xuất khẩu					Tờ khai nhập khẩu			
Số, ngày tờ khai	Mã loại hình	Tên Chi cục Hải quan	Số, ngày hợp đồng xuất khẩu/hợp đồng gia công/chỉ định giao hàng/ủy quyền của thương nhân nước ngoài	Người mua hàng/người đặt gia công/người chỉ định giao hàng/người ủy quyền (tên, địa chỉ)	Số, ngày tờ khai	Mã loại hình	Tên Chi cục Hải quan	Số, ngày Hợp đồng nhập khẩu

Mẫu số 23

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:.../QĐ-TTg	*..., ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn thuế xuất khẩu/nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu để phục vụ đảm bảo an sinh xã hội/khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh/các trường hợp đặc biệt khác

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;

Căn cứ...;

Theo đề nghị của Bộ Tài chính tại văn bản số... ngày...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn thuế xuất khẩu/nhập khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu để phục vụ đảm bảo an sinh xã hội/khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh/trường hợp đặc biệt khác...:

1. Tên cơ quan/tổ chức/cá nhân được miễn thuế:...

2. Chủng loại và số lượng hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu được miễn thuế gồm:

STT	Tên hàng quy cách, phẩm chất	Đơn vị tính	Lượng dự kiến	Trị giá/Trị giá dự kiến	Số ngày chứng từ liên quan (Hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu; vận đơn...)	Ghi chú

Điều 2. Cơ quan/tổ chức/cá nhân nêu tại Điều 1 có trách nhiệm sử dụng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu miễn thuế đúng mục đích được miễn thuế.

Trường hợp sử dụng không đúng mục đích, cơ quan/tổ chức/cá nhân phải đăng ký tờ khai hải quan mới, nộp thuế theo quy định của pháp luật trước khi thay đổi mục đích.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,... và cơ quan/tổ chức/cá nhân... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- ...
- Lưu: VT,...

THỦ TƯỚNG

Mẫu số 24

TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

BẢN CAM KẾT
Về khả năng đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với khu phi thuế quan là doanh nghiệp chế xuất

I. Thông tin về nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư đăng ký là doanh nghiệp chế xuất

1. Tên nhà đầu tư:...

2. Địa chỉ:...

3. Thời điểm dự án dự kiến đi vào hoạt động:...

II. Nội dung cam kết

Chúng tôi xin cam kết về khả năng đáp ứng đủ các điều kiện kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất chậm nhất 30 ngày trước thời điểm doanh nghiệp chính thức đi vào hoạt động, cụ thể như sau:

1. Có hàng rào cứng ngăn cách với khu vực bên ngoài; có cổng/cửa ra, vào đảm bảo việc đưa hàng hóa ra, vào doanh nghiệp chế xuất chỉ qua cổng/cửa.

2. Có hệ thống ca-mê-ra quan sát được các vị trí tại cổng/cửa ra, vào và các vị trí lưu giữ hàng hóa ở tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ); dữ liệu hình ảnh ca-mê-ra được kết nối trực tuyến với cơ quan hải quan quản lý doanh nghiệp và được lưu giữ tại doanh nghiệp chế xuất tối thiểu 12 tháng.

3. Có phần mềm quản lý hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế của doanh nghiệp chế xuất để báo cáo quyết toán nhập - xuất - tồn về tình hình sử dụng hàng hóa nhập khẩu theo quy định pháp luật về hải quan.

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung nêu trên./.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN
.....
.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NHÀ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 25

TÊN DOANH NGHIỆP...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO
Về việc đã hoàn thành xây dựng, lắp đặt thiết bị đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với khu phi thuế quan là doanh nghiệp chế xuất

I. Thông tin về doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp:...

2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số:... ngày... tháng... năm... Nơi cấp:...

Điều chỉnh lần thứ... ngày... tháng... năm... (nếu có).

3. Địa chỉ:...

4. Mã số thuế:...

5. Số điện thoại:... số Fax:...

6. Hàng hóa nhập khẩu được đăng ký tờ khai tại Chi cục Hải quan:...

7. Thời gian hoàn thành việc xây dựng:...

8. Thời gian chính thức đi vào hoạt động:...(1)

II. Nội dung thông báo

Doanh nghiệp... xin trân trọng thông báo cho Chi cục Hải quan... về việc đã đáp ứng đầy đủ các quy định về điều kiện kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan đối với khu phi thuế quan là doanh nghiệp chế xuất kể từ ngày..., bao gồm:

TT	CHỈ TIÊU
1	Hàng rào cứng ngăn cách với khu vực bên ngoài.
	Cổng/cửa ra, vào đảm bảo đưa hàng hóa ra, vào doanh nghiệp chế xuất chỉ qua cổng/cửa.

TT	CHỈ TIÊU
2	Hệ thống ca-mê-ra quan sát được các vị trí tại cổng/cửa ra, vào và các vị trí lưu giữ hàng hóa ở tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ); dữ liệu hình ảnh ca-mê-ra được kết nối trực tuyến với cơ quan hải quan quản lý doanh nghiệp.
	Dữ liệu về hình ảnh ca-mê-ra được lưu giữ tại doanh nghiệp chế xuất tối thiểu 12 tháng.
3	Phần mềm quản lý hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế của doanh nghiệp chế xuất để báo cáo quyết toán nhập - xuất - tồn về tình hình sử dụng hàng hóa nhập khẩu theo quy định pháp luật về hải quan.

Doanh nghiệp... xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông báo nêu trên. Đề nghị cơ quan hải quan kiểm tra và có xác nhận điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan đối với doanh nghiệp..../.

..., ngày... tháng... năm...
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Chi cục Hải quan...;
- Lưu: VT...

Ghi chú:

(1) Ghi theo thời điểm nêu trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh (nếu có) hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản xác nhận của cơ quan đăng ký đầu tư. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, không nêu thời điểm doanh nghiệp chế xuất chính thức đi vào hoạt động thì thời điểm doanh nghiệp chế xuất chính thức đi vào hoạt động là thời điểm doanh nghiệp bắt đầu sản xuất chính thức theo thông báo của doanh nghiệp với cơ quan hải quan.

Mẫu số 26

TÊN CƠ QUAN HẢI QUAN...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...	*..., ngày... tháng... năm...*

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc đáp ứng/không đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan đối với khu phi thuế quan là doanh nghiệp chế xuất

I. Chi cục Hải quan...:

Xác nhận lần đầu ☐ **Xác nhận lại lần thứ:...**

1. Tên doanh nghiệp:...

2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số... ngày... tháng... năm... Nơi cấp:...

Điều chỉnh lần thứ... ngày... tháng... năm... (nếu có)

3. Địa chỉ:...

4. Mã số thuế:...

5. Lĩnh vực đầu tư:...

6. Số điện thoại:... Số Fax:...

II. Nội dung xác nhận

Doanh nghiệp... đã đáp ứng/không đáp ứng quy định về điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan như sau(1):

TT	CHỈ TIÊU	Đáp ứng	Không đáp ứng
1	Hàng rào cứng ngăn cách với khu vực bên ngoài.		
	Cổng/cửa ra, vào đảm bảo đưa hàng hóa ra, vào doanh nghiệp chế xuất chỉ qua cổng/cửa.		
2	Hệ thống ca-mê-ra quan sát được các vị trí tại cổng/cửa ra, vào và các vị trí lưu giữ hàng hóa ở tất cả các thời điểm trong ngày (24/24 giờ, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ); dữ		

TT	CHỈ TIÊU	Đáp ứng	Không đáp ứng
	liệu hình ảnh ca-mê-ra được kết nối trực tuyến với cơ quan hải quan quản lý doanh nghiệp.		
	Dữ liệu về hình ảnh ca-mê-ra được lưu giữ tại doanh nghiệp chế xuất tối thiểu 12 tháng.		
3	Phần mềm quản lý hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế của doanh nghiệp chế xuất để báo cáo quyết toán nhập - xuất - tồn về tình hình sử dụng hàng hóa nhập khẩu theo quy định pháp luật về hải quan.		

Cơ quan Hải quan... xin thông báo để doanh nghiệp biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Doanh nghiệp...;
- Lưu: VT...

..., ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan được tiếp tục hoàn chỉnh điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan trong thời hạn tối đa không quá 01 năm kể từ ngày cấp văn bản xác nhận lần đầu.

Phụ lục VIIa[109]

CHỈ TIÊU THÔNG TIN VỀ THUẾ VÀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

(Kèm theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)

I. DANH SÁCH CÁC MẪU BIỂU KHAI BÁO

Mẫu số	Tên chứng từ
1	Công văn đề nghị hoàn thuế
2	Công văn đề nghị không thu thuế
3	Công văn đề nghị giảm thuế
4	Bảng kê chi tiết hàng hóa nhập khẩu theo tổ hợp, dây chuyền
5	Thông báo kết thúc nhập khẩu hàng hóa theo tổ hợp, dây chuyền
6	Thông báo chuyển nhượng dự án
7	Thông báo tình hình sử dụng hàng hóa miễn thuế
8	Thông báo hoàn thành chế tạo máy móc, thiết bị
9	Thông báo hoàn thành lắp đặt tổ hợp, dây chuyền

II. CHỈ TIÊU THÔNG TIN KHAI BÁO

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
1	**Mẫu số 01**	**Công văn đề nghị hoàn thuế**	
1.1	Số công văn	Hệ thống tự động cấp số công văn	
1.2	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày phát hành công văn	

[109] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2021.

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
1.3	Trường hợp hoàn thuế	Chọn một trong hai trường hợp sau:	
		Hoàn thuế trước, kiểm tra sau	
		Kiểm tra trước, hoàn thuế sau	
1.4	Nơi nhận	Nhập tên, mã cơ quan hải quan có thẩm quyền hoàn thuế	
	Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị hoàn thuế		
1.5	Tên người nộp thuế	Nhập tên người nộp thuế	
1.6	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của người nộp thuế	
1.7	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch	Nhập số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của người nộp thuế	
1.8	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của người nộp thuế	
1.9	Điện thoại	Nhập điện thoại của người nộp thuế	
1.10	Fax	Nhập số fax của người nộp thuế	
1.11	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế	
1.12	Tên của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập tên người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác trong trường hợp nộp thuế theo ủy quyền/ủy thác	
1.13	Mã số thuế của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập mã số thuế của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
1.14	Địa chỉ của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập địa chỉ của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
1.15	Điện thoại của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập số điện thoại của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
1.16	Fax của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập số fax của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
1.17	Email của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập địa chỉ thư điện tử của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
1.18	Số hợp đồng đại lý hải quan	Nhập số hợp đồng đại lý hải quan đối với trường hợp người được ủy quyền là đại lý hải quan	
1.19	Ngày hợp đồng đại lý hải quan	Nhập ngày của hợp đồng đại lý hải quan	
	Nội dung đề nghị hoàn trả số tiền đã nộp ngân sách Nhà nước (có thể nhập nhiều lần)		
1.20	Loại thuế		
1.21	Thuế xuất khẩu	Nhập số tiền thuế xuất khẩu	
1.22	Thuế nhập khẩu	Nhập số tiền thuế nhập khẩu	
1.23	Thuế tự vệ	Nhập số tiền thuế tự vệ	
1.24	Thuế chống bán phá giá	Nhập số tiền thuế chống bán phá giá	
1.25	Thuế chống trợ cấp	Nhập số tiền thuế chống trợ cấp	
1.26	Thuế tiêu thụ đặc biệt	Nhập số tiền thuế tiêu thụ đặc biệt	
1.27	Thuế bảo vệ môi trường	Nhập số tiền thuế bảo vệ môi trường	
1.28	Thuế giá trị gia tăng	Nhập số tiền thuế giá trị gia tăng	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
1.29	Tờ khai hải quan, tờ khai bổ sung	Nhập số tờ khai hải quan, tờ khai bổ sung	
1.30	Ngày tờ khai	Nhập ngày tờ khai hải quan, tờ khai bổ sung	
1.31	Quyết định ấn định thuế	Nhập số Quyết định ấn định thuế	
1.32	Ngày Quyết định	Nhập ngày ban hành Quyết định ấn định thuế	
1.33	Số tiền đã nộp vào tài khoản	Chọn một trong hai ô sau đây:	
		"Thu Ngân sách Nhà nước": Nhập số tiền thuế đã nộp vào tài khoản thu ngân sách Nhà nước theo từng sắc thuế	
		"Tài khoản tiền gửi": Nhập số tiền thuế đã nộp vào tài khoản tiền gửi theo từng sắc thuế	
1.34	Số tiền thuế đề nghị bù trừ từ số tiền thuế, thu khác còn nợ	Nhập số tiền thuế đề nghị bù trừ từ số tiền thuế, thu khác còn nợ	
1.35	Số tiền thuế đề nghị bù trừ vào số tiền thuế phải nộp	Nhập số tiền thuế đề nghị bù trừ vào số tiền thuế phải nộp	
1.36	Số tiền thuế đề nghị hoàn trả trực tiếp	Nhập số tiền thuế đề nghị hoàn trả trực tiếp	
1.37	Lý do đề nghị hoàn	Nhập nội dung đề nghị hoàn theo quy định tại điểm, khoản, Điều của văn bản quy phạm pháp luật có liên quan	
1.38	Tổng số tiền	Hệ thống tự động nhập tổng số tiền thuế tại các mục	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	Thông tin về hàng hóa đề nghị hoàn thuế		
1.39	Thực hiện thanh toán qua ngân hàng	Chọn một trong hai ô sau:	
		Chọn có và nhập số chứng từ thanh toán	
		Chọn không	
1.40	Hàng hóa chưa qua sử dụng, gia công, chế biến	Chọn một trong hai ô sau:	
		Có	
		Không	
1.41	Đối với máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập tái xuất	"Thời gian sử dụng và lưu lại tại Việt Nam": Nhập thời gian sử dụng và lưu lại tại Việt Nam	
		"Tỷ lệ mức khấu hao, phân bổ trị giá hàng hóa": Nhập tỷ lệ mức khấu hao, phân bổ trị giá hàng hóa	
		"Thực hiện theo hình thức thuê": Chọn nhập thực hiện theo hình thức thuê:	
		Có	
		Không	
		"Giá tính thuế nhập khẩu tính trên giá đi thuê, đi mượn": Chọn nhập một trong ô sau:	
		Có	
		Không	
1.42	Hình thức hoàn trả	Chọn một trong các hình thức hoàn trả tại các ô sau:	
		Bù trừ cho số tiền thuế, thu khác còn nợ thuộc tờ khai hải quan, nhập:	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
		- Số tờ khai hải quan - Ngày tờ khai hải quan	
		Bù trừ vào số tiền thuế phải nộp thuộc tờ khai hải quan - Nhập số tờ khai hải quan - Nhập ngày tờ khai hải quan	
		Hoàn trả trực tiếp bằng tiền mặt nhập các chỉ tiêu: - Số tiền bằng số - Số tiền bằng chữ - Kho bạc Nhà nước nơi người nộp thuế nhận tiền hoàn thuế	
		Hoàn trả trực tiếp bằng chuyển khoản nhập các chỉ tiêu: - Số tiền bằng số - Số tiền bằng chữ - Nhập tên ngân hàng (Kho bạc Nhà nước)	
1.43	Hồ sơ tài liệu kèm theo	Nhập danh sách hồ sơ tài liệu đính kèm	
1.44	Xác nhận của nhân viên đại lý hải quan	Nhập các chỉ tiêu sau: - Họ và tên - Số Chứng chỉ hành nghề	
1.45	Xác nhận của người nộp thuế hoặc đại diện hợp pháp của người nộp thuế	Nhập các chỉ tiêu sau: - Họ và tên - Chức vụ	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
2	**Mẫu số 02**	**Công văn đề nghị không thu thuế**	
2.1	Số công văn	Hệ thống tự động cấp số công văn	
2.2	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày phát hành công văn	
2.3	Nơi nhận	Nhập tên, mã cơ quan hải quan có thẩm quyền không thu thuế	
	Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị không thu thuế		
2.4	Tên người nộp thuế	Nhập tên người nộp thuế	
2.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của người nộp thuế	
2.6	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch	Nhập số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của người nộp thuế.	
2.7	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của người nộp thuế	
2.8	Điện thoại	Nhập điện thoại của người nộp thuế	
2.9	Fax	Nhập số fax của người nộp thuế	
2.10	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế	
2.11	Tên của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập tên của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
2.12	Mã số thuế của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập mã số thuế của người được ủy quyền/ tổ chức nhận ủy thác	
2.13	Địa chỉ của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập địa chỉ của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
2.14	Điện thoại của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập số điện thoại của người được ủy quyền/ tổ chức nhận ủy thác	
2.15	Fax của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập số fax của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
2.16	Email của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	Nhập địa chỉ thư điện tử của người được ủy quyền/tổ chức nhận ủy thác	
2.17	Số hợp đồng đại lý hải quan	Nhập số hợp đồng đại lý hải quan đối với trường hợp người được ủy quyền là đại lý hải quan	
2.18	Ngày hợp đồng đại lý hải quan	Nhập ngày của hợp đồng đại lý hải quan đối với trường hợp người được ủy quyền là đại lý hải quan	
	Thông tin về hàng hóa đề nghị không thu thuế		
2.19	Số tờ khai hải quan	Nhập số tờ khai hải quan	
2.20	Ngày tháng năm của tờ khai	Nhập ngày tháng năm đăng ký tờ khai hải quan	
2.21	Nơi đăng ký tờ khai có hàng hóa đề nghị không thu thuế	Nhập tên cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan có hàng hóa đề nghị không thu thuế	
2.22	Tên hàng đề nghị không thu thuế	Nhập mã hàng, tên hàng, mô tả hàng hóa đề nghị không thu thuế	
2.23	Số lượng hàng hóa đề nghị không thu thuế	Nhập số lượng hàng hóa đề nghị không thu thuế	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
2.24	Trị giá hàng hóa đề nghị không thu thuế	Nhập trị giá hàng hóa đề nghị không thu thuế	
2.25	Thực hiện thanh toán qua ngân hàng	Chọn một trong hai chỉ tiêu:	
		Có và nhập số chứng từ thanh toán	
		Không	
2.26	Hàng hóa chưa qua sử dụng, gia công, chế biến	Chọn một trong hai chỉ tiêu sau để xác nhận hàng hóa chưa qua sử dụng, gia công, chế biến:	
		Có	
		Không	
2.27	Đối với máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất thuộc trường hợp hoàn thuế nhưng người nộp thuế chưa nộp thuế	"Thời gian sử dụng và lưu lại tại Việt Nam": Nhập thời gian sử dụng và lưu lại tại Việt Nam	
		"Tỷ lệ mức khấu hao, phân bổ trị giá hàng hóa": Nhập tỷ lệ mức khấu hao, phân bổ trị giá hàng hóa	
		"Thực hiện theo hình thức thuê": Chọn một trong hai ô sau:	
		Có	
		Không	
		"Giá tính thuế nhập khẩu tính trên giá đi thuê, đi mượn": Chọn một trong hai ô sau:	
		Có	
		Không	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	Thông tin về số tiền thuế đề nghị không thu thuế (có thể nhập nhiều lần)		
2.28	Thuế xuất khẩu	Nhập số tiền thuế xuất khẩu đề nghị không thu	
2.29	Thuế nhập khẩu	Nhập số tiền thuế nhập khẩu đề nghị không thu thuế	
2.30	Thuế chống bán phá giá	Nhập số tiền thuế chống bán phá giá đề nghị không thu thuế	
2.31	Thuế tự vệ	Nhập số tiền thuế tự vệ đề nghị không thu thuế	
2.32	Thuế chống trợ cấp	Nhập số tiền thuế chống trợ cấp đề nghị không thu thuế	
2.33	Thuế tiêu thụ đặc biệt	Nhập số tiền thuế tiêu thụ đặc biệt đề nghị không thu thuế	
2.34	Thuế bảo vệ môi trường	Nhập số tiền thuế bảo vệ môi trường đề nghị không thu thuế	
2.35	Thuế giá trị gia tăng (GTGT)	Nhập số tiền thuế giá trị gia tăng đề nghị không thu thuế	
2.36	Tổng cộng	Hệ thống tự động tính tổng số tiền thuế đề nghị không thu của các sắc thuế từ chỉ tiêu 2.28 đến 2.35	
2.37	Lý do đề nghị không thu thuế	Nhập lý do đề nghị không thu thuế, trong đó nêu rõ điều, khoản của văn bản áp dụng	
2.38	Hồ sơ tài liệu kèm theo	Nhập danh sách hồ sơ tài liệu đính kèm	
2.39	Xác nhận của nhân viên đại lý hải quan	Nhập các chỉ tiêu sau: - Họ và tên - Số Chứng chỉ hành nghề	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
2.40	Xác nhận của người nộp thuế hoặc đại diện hợp pháp của người nộp thuế	Nhập các chỉ tiêu sau: - Họ và tên - Chức vụ	
3	**Mẫu số 3**	**Công văn đề nghị giảm thuế**	
3.1	Số công văn	Hệ thống tự động cấp số công văn	
3.2	Ngày	Hệ thống tự động ngày phát hành công văn	
3.3	Nơi nhận	Nhập tên cơ quan hải quan có thẩm quyền xử lý giảm thuế	
	Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị giảm thuế		
3.4	Tên tổ chức/cá nhân	Nhập tên tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế	
3.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế	
3.6	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch	Nhập số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế	
3.7	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế	
3.8	Điện thoại	Nhập số điện thoại của tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế	
3.9	Fax	Nhập số fax của tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế.	
	Nội dung đề nghị giảm thuế		
3.10	Nội dung đề nghị giảm	Nhập nội dung đề nghị giảm thuế	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
3.11	Lý do đề nghị giảm thuế	Nhập lý do đề nghị giảm thuế	
	Thông tin về hàng hóa bị thiệt hại đề nghị giảm thuế (có thể nhập nhiều lần)		
3.12	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	Nhập tên hàng hóa, quy cách, phẩm chất của hàng hóa bị thiệt hại đề nghị giảm thuế theo tên đã khai báo trên tờ khai hải quan	
3.13	Số tờ khai	Nhập số tờ khai hải quan có hàng hóa bị thiệt hại đề nghị giảm thuế	
3.14	Ngày phát sinh tờ khai	Nhập ngày của tờ khai hải quan có hàng hóa bị thiệt hại đề nghị giảm thuế	
3.15	Lượng hàng hóa nhập khẩu theo tờ khai hải quan	Nhập số lượng hàng hóa nhập khẩu theo số lượng đã khai báo trên tờ khai hải quan đối với hàng hóa bị thiệt hại đề nghị giảm thuế	
3.16	Đơn vị tính	Nhập đơn vị tính của hàng hóa đề nghị giảm thuế theo đơn vị tính đã khai trên tờ khai hải quan nhập khẩu	
3.17	Trị giá tính thuế	Nhập trị giá tính thuế của hàng hóa đề nghị giảm thuế theo trị giá tính thuế đã khai báo trên tờ khai nhập khẩu	
3.18	Tỷ lệ tổn thất	Nhập tỷ lệ tổn thất của hàng hóa đề nghị giảm thuế	
3.19	Loại thuế	Nhập loại thuế đề nghị giảm	
3.20	Số tiền thuế phải nộp	Tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế tự tính và nhập số tiền thuế phải nộp tương ứng với số hàng hóa đề nghị giảm thuế	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
3.21	Số tiền thuế đề nghị giảm	Tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế tự tính và nhập số tiền thuế đề nghị giảm đối với số hàng hóa bị thiệt hại.	
3.22	Hồ sơ, tài liệu kèm theo	Tổ chức/cá nhân đề nghị giảm thuế đính kèm hồ sơ giảm thuế theo quy định	
4	**Mẫu số 04**	**Bảng kê chi tiết hàng hóa nhập khẩu theo tổ hợp, dây chuyền**	
	Thông tin về tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa		
4.1	Tên tổ chức/cá nhân	Nhập tên chủ dự án đầu tư	
4.2	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của chủ dự án đầu tư	
4.3	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của chủ dự án đầu tư	
4.4	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của chủ dự án đầu tư	
4.5	Điện thoại	Nhập điện thoại của chủ dự án đầu tư	
4.6	Fax	Nhập số fax của chủ dự án đầu tư	
4.7	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của chủ dự án đầu tư	
	Thông tin về hàng hóa dự kiến nhập khẩu miễn thuế theo tổ hợp, dây chuyền		
4.8	Tên dự án đầu tư	Nhập tên dự án đầu tư	
4.9	Địa điểm thực hiện dự án	Nhập địa điểm thực hiện dự án theo nội dung ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
		đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
4.10	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Nhập số, ngày Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
4.11	Tên tổ hợp, dây chuyền nhập khẩu	Nhập tên tổ hợp, dây chuyền nhập khẩu theo tờ khai hải quan	
4.12	Danh mục miễn thuế nhập khẩu của tổ hợp, dây chuyền	Nhập số Danh mục miễn thuế	
4.13	Thời gian dự kiến kết thúc nhập khẩu hàng hóa miễn thuế	Nhập ngày tháng năm dự kiến kết thúc nhập khẩu hàng hóa miễn thuế	
4.14	Thời gian dự kiến hoàn thành lắp đặt tổ hợp, dây chuyền	Nhập ngày tháng năm dự kiến hoàn thành lắp đặt tổ hợp, dây chuyền	
4.15	Tên hàng hóa nhập khẩu	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần tên hàng hóa nhập khẩu đề nghị miễn thuế	
4.16	Đơn vị tính	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần đơn vị tính hàng hóa nhập khẩu	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
4.17	Số lượng	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần số lượng hàng hóa đề nghị miễn thuế	
4.18	Trị giá/trị giá dự kiến	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần trị giá hoặc trị giá dự kiến của từng dòng hàng nhập khẩu	
4.19	Tổng	Nhập tổng trị giá hàng hóa dự kiến nhập khẩu đối với trường hợp không xác định được trị giá của từng dòng hàng tại điểm 4.18	
5	**Mẫu số 05**	**Thông báo kết thúc nhập khẩu hàng hóa theo tổ hợp, dây chuyền**	
5.1	Số công văn	Hệ thống tự động cấp	
5.2	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày, tháng, năm	
5.3	Mã đơn vị hải quan nhận công văn	Nhập mã đơn vị cơ quan hải quan nơi thông báo Danh mục miễn thuế	
	Thông tin về tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa		
5.4	Tên tổ chức/cá nhân	Nhập tên chủ dự án đầu tư	
5.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của chủ dự án đầu tư	
5.6	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của chủ dự án đầu tư	
5.7	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của chủ dự án đầu tư	
5.8	Điện thoại	Nhập điện thoại của chủ dự án đầu tư	
5.9	Fax	Nhập số fax của chủ dự án đầu tư	
5.10	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của chủ dự án đầu tư	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	Thông tin về hàng hóa nhập khẩu miễn thuế theo tổ hợp, dây chuyền		
5.11	Tên dự án đầu tư	Nhập tên dự án đầu tư	
5.12	Địa điểm thực hiện dự án	Nhập địa điểm thực hiện dự án theo nội dung ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
5.13	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Nhập số, ngày Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
5.14	Tên tổ hợp, dây chuyền nhập khẩu	Nhập tên tổ hợp, dây chuyền nhập khẩu theo tờ khai hải quan	
5.15	Danh mục miễn thuế nhập khẩu của tổ hợp, dây chuyền	Nhập số Danh mục miễn thuế đã được cơ quan hải quan tiếp nhận	
5.16	Thời gian nhập khẩu hàng hóa miễn thuế	Nhập ngày tháng năm nhập khẩu hàng hóa miễn thuế	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
5.17	Thời gian dự kiến hoàn thành lắp đặt tổ hợp, dây chuyền	Nhập ngày tháng năm dự kiến hoàn thành lắp đặt tổ hợp, dây chuyền	
5.18	Số tiền thuế nhập khẩu của tổ hợp dây chuyền được miễn thuế	Nhập số tiền thuế được miễn của tổ hợp dây chuyền	
5.19	Cơ quan hải quan nơi nhập khẩu hàng hóa theo tổ hợp, dây chuyền	Nhập mã số cơ quan hải quan nơi nhập khẩu hàng hóa theo tổ hợp, dây chuyền	
5.20	Tên hàng hóa nhập khẩu	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần tên hàng hóa nhập khẩu đề nghị miễn thuế	
5.21	Đơn vị tính	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần đơn vị tính hàng hóa nhập khẩu	
5.22	Số lượng	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần số lượng hàng hóa đề nghị miễn thuế	
5.23	Trị giá nhập khẩu	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần trị giá của từng dòng hàng nhập khẩu	
5.24	Tờ khai nhập khẩu số/ ngày	Nhập số ngày tờ khai hải quan nhập khẩu hàng hóa theo tổ hợp, dây chuyền	
5.25	Ghi chú	Nhập thông tin cần ghi chú	
6	**Mẫu số 06**	**Thông báo chuyển nhượng dự án**	
6.1	Số công văn	Hệ thống tự động cấp	
6.2	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày, tháng, năm	
6.3	Mã đơn vị hải quan nhận công văn	Nhập mã đơn vị cơ quan hải quan nơi tiếp nhận Danh mục miễn thuế	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	Thông tin về tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa		
6.4	Tên tổ chức/cá nhân	Nhập tên chủ dự án đầu tư	
6.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của chủ dự án đầu tư	
6.6	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của chủ dự án đầu tư	
6.7	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của chủ dự án đầu tư	
6.8	Điện thoại	Nhập điện thoại của chủ dự án đầu tư	
6.9	Fax	Nhập số fax của chủ dự án đầu tư	
6.10	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của chủ dự án đầu tư	
	Thông tin về hàng hóa nhập khẩu miễn thuế		
6.11	Tên dự án đầu tư	Nhập tên dự án đầu tư	
6.12	Địa điểm thực hiện dự án	Nhập địa điểm thực hiện dự án theo nội dung ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
6.13	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường	Nhập số, ngày Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
6.14	Lý do miễn thuế	Nhập văn bản quy định việc miễn thuế (ghi rõ điều khoản áp dụng)	
6.15	Số Danh mục miễn thuế	Nhập số Danh mục miễn thuế đã được cơ quan hải quan tiếp nhận	
6.16	Tên hàng hóa nhập khẩu	Nhập tên hàng hóa đã được miễn thuế theo tờ khai hải quan	
6.17	Tờ khai nhập khẩu	Nhập số ngày tờ khai nhập khẩu hàng hóa đã được miễn thuế	
6.18	Số lượng hàng hóa	Nhập số lượng hàng hóa đã được miễn thuế	
6.19	Tờ khai hải quan nhập khẩu	Nhập số ngày tờ khai hải quan nhập khẩu của hàng hóa đã được miễn thuế	
	Thông tin về hàng hóa đã được miễn thuế chuyển nhượng		
6.20	Hình thức chuyển nhượng	Chọn một trong hai hình thức:	
		Chuyển nhượng một phần dự án	
		Chuyển nhượng toàn bộ dự án	
6.21	Số lượng hàng hóa	Nhập số lượng hàng hóa miễn thuế chuyển nhượng	
6.22	Trị giá	Nhập trị giá hàng hóa miễn thuế chuyển nhượng	
	Thông tin về hàng hóa còn lại chưa chuyển nhượng (đối với trường hợp chuyển nhượng một phần dự án)		
6.23	Số lượng hàng hóa	Nhập số lượng hàng hóa miễn thuế còn lại sau chuyển nhượng	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
6.24	Trị giá	Nhập trị giá hàng hóa miễn thuế còn lại sau chuyển nhượng	
6.25	Ghi chú	Nhập thông tin cần ghi chú	
	Thông tin về tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng hàng hóa		
6.26	Tên tổ chức/cá nhân	Nhập tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng hàng hóa	
6.27	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng hàng hóa	
6.28	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng hàng hóa	
6.29	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng hàng hóa	
6.30	Điện thoại	Nhập điện thoại của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng hàng hóa	
6.31	Fax	Nhập số fax của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng hàng hóa	
6.32	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng hàng hóa	
	Thông tin về hàng hóa nhận chuyển nhượng		
6.33	Tên hàng hóa nhận chuyển nhượng	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần tên hàng hóa nhập khẩu nhận chuyển nhượng	
6.34	Đơn vị tính	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần đơn vị tính hàng hóa nhập khẩu nhận chuyển nhượng	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
6.35	Số lượng	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần số lượng hàng hóa nhập khẩu nhận chuyển nhượng	
6.36	Trị giá/trị giá dự kiến	Hệ thống cho phép nhập nhiều lần trị giá/trị giá dự kiến của từng dòng hàng nhập khẩu nhận chuyển nhượng	
6.37	Danh mục miễn thuế	Nhập số Danh mục miễn thuế có hàng hóa nhận chuyển nhượng	
6.38	Ghi chú	Nhập thông tin cần ghi chú	
7	**Mẫu số 07**	**Thông báo tình hình sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế**	
7.1	Số công văn	Hệ thống tự động cấp	
7.2	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày, tháng, năm	
7.3	Mã đơn vị hải quan nhận công văn	Nhập mã đơn vị cơ quan hải quan nơi tiếp nhận Danh mục miễn thuế	
	Thông tin về tổ chức, cá nhân sử dụng hàng hóa nhập khẩu miễn thuế		
7.4	Tên tổ chức/cá nhân	Nhập tên chủ dự án đầu tư	
7.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của chủ dự án đầu tư	
7.6	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của chủ dự án đầu tư	
7.7	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của chủ dự án đầu tư	
7.8	Điện thoại	Nhập điện thoại của chủ dự án đầu tư	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
7.9	Fax	Nhập số fax của chủ dự án đầu tư	
7.10	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của chủ dự án đầu tư	
	Thông tin về hàng hóa nhập khẩu miễn thuế		
7.11	Tên dự án đầu tư	Nhập tên dự án đầu tư	
7.12	Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án đầu tư	Nhập ngày tháng năm bắt đầu thực hiện dự án đầu tư	
7.13	Thời điểm kết thúc nhập khẩu hàng hóa	Nhập ngày tháng năm kết thúc nhập khẩu hàng hóa	
7.14	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Nhập số, ngày Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
7.15	Tên hợp đồng	Nhập tên hợp đồng; số ngày tháng của hợp đồng	
7.16	Tên hàng hóa nhập khẩu miễn thuế	Nhập tên hàng hóa đã được miễn thuế nhập khẩu	
7.17	Số lượng hàng hóa	Nhập số lượng hàng hóa đã được miễn thuế nhập khẩu	
7.18	Tờ khai hải quan	Nhập số tờ khai hải quan nhập khẩu	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	Thông tin về hàng hóa đã sử dụng đúng mục đích miễn thuế		
7.19	Số lượng	Nhập số lượng hàng hóa	
	Thông tin về hàng hóa đã thay đổi mục đích sử dụng		
7.20	Số lượng hàng hóa	Nhập số lượng hàng hóa đã thay đổi mục đích miễn thuế	
7.21	Tờ khai hải quan	Nhập số ngày tờ khai hải quan nhập khẩu hàng hóa đã thay đổi mục đích miễn thuế	
	Thông tin về hàng hóa đã tiêu hủy		
7.22	Số lượng hàng hóa	Nhập số lượng hàng hóa đã tiêu hủy	
	Thông tin về hàng hóa tồn kho chưa sử dụng		
7.23	Số lượng hàng hóa	Nhập số lượng hàng hóa còn tồn kho, chưa sử dụng	
	Thông tin về việc hàng hóa nhập khẩu được hạch toán vào tài sản cố định		
7.24	Hạch toán vào tài sản cố định	Chọn một trong hai hình thức sau:	
		Hàng hóa nhập khẩu được hạch toán vào tài sản cố định	
		Hàng hóa nhập khẩu không được hạch toán vào tài sản cố định	
7.25	Ghi chú	Nhập thông tin cần ghi chú	
8	**Mẫu số 08**	**Thông báo hoàn thành chế tạo máy móc, thiết bị**	
8.1	Số công văn	Hệ thống tự động cấp	
8.2	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày, tháng, năm	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
8.3	Mã đơn vị hải quan nhận công văn	Nhập mã đơn vị cơ quan hải quan nơi tiếp nhận Danh mục miễn thuế	
	Thông tin về tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa		
8.4	Tên tổ chức/cá nhân	Nhập tên chủ dự án đầu tư	
8.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của chủ dự án đầu tư	
8.6	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của chủ dự án đầu tư	
8.7	Điện thoại	Nhập điện thoại của chủ dự án đầu tư	
8.8	Fax	Nhập số fax của chủ dự án đầu tư	
8.9	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của chủ dự án đầu tư	
	Thông tin về hàng hóa nhập khẩu miễn thuế để chế tạo máy móc, thiết bị		
8.10	Tên dự án đầu tư	Nhập tên dự án đầu tư	
8.11	Địa điểm thực hiện dự án	Nhập địa điểm thực hiện dự án theo nội dung ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
8.12	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường	Nhập số, ngày Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
	hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
8.13	Tên hàng hóa nhập khẩu dùng để chế tạo	Nhập tên hàng hóa theo tờ khai hải quan	
8.14	Tờ khai nhập khẩu dùng để chế tạo	Nhập số ngày tờ khai nhập khẩu hàng hóa dùng để chế tạo	
8.15	Đơn vị tính hàng hóa nhập khẩu dùng để chế tạo	Nhập đơn vị tính hàng hóa dùng để chế tạo theo tờ khai hải quan	
8.16	Số Danh mục miễn thuế	Nhập số Danh mục hàng hóa miễn thuế	
8.17	Số lượng hàng hóa nhập khẩu dùng để chế tạo	Nhập số lượng hàng hóa dùng để chế tạo theo tờ khai hải quan	
8.18	Số lượng hàng hóa đã sử dụng để chế tạo	Nhập số lượng hàng hóa đã sử dụng để chế tạo	
8.19	Số lượng hàng hóa dư thừa sau chế tạo	Nhập số lượng hàng hóa dư thừa sau chế tạo	
8.20	Tên hàng hóa sau chế tạo	Nhập tên hàng hóa sau khi chế tạo	
8.21	Đơn vị tính hàng hóa sau chế tạo	Nhập đơn vị tính của hàng hóa sau khi chế tạo	
8.22	Số lượng hàng hóa sau chế tạo	Nhập số lượng của hàng hóa sau khi chế tạo	
8.23	Ghi chú	Nhập thông tin cần ghi chú	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
9	**Mẫu số 09**	**Thông báo hoàn thành lắp đặt tổ hợp, dây chuyền**	
9.1	Số công văn	Hệ thống tự động cấp	
9.2	Ngày	Hệ thống tự động cập nhật ngày, tháng, năm	
9.3	Mã đơn vị hải quan nhận công văn	Nhập mã đơn vị cơ quan hải quan nơi tiếp nhận Danh mục miễn thuế	
	Thông tin về tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa		
9.4	Tên tổ chức/cá nhân	Nhập tên chủ dự án đầu tư	
9.5	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của chủ dự án đầu tư	
9.6	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch	Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch của chủ dự án đầu tư	
9.7	Địa chỉ	Nhập địa chỉ của chủ dự án đầu tư	
9.8	Điện thoại	Nhập điện thoại của chủ dự án đầu tư	
9.9	Fax	Nhập số fax của chủ dự án đầu tư	
9.10	Email	Nhập địa chỉ thư điện tử của chủ dự án đầu tư	
	Thông tin về hàng hóa nhập khẩu miễn thuế để lắp đặt tổ hợp, dây chuyền		
9.11	Tên dự án đầu tư	Nhập tên dự án đầu tư	
9.12	Địa điểm thực hiện dự án	Nhập địa điểm thực hiện dự án theo nội dung ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
9.13	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Nhập số, ngày Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh hoặc văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
9.14	Tên hàng hóa nhập khẩu dùng để lắp đặt tổ hợp dây chuyền	Nhập tên hàng hóa theo tờ khai hải quan	
9.15	Tờ khai nhập khẩu dùng để chế tạo	Nhập số ngày tờ khai nhập khẩu hàng hóa dùng để lắp đặt tổ hợp dây chuyền	
9.16	Đơn vị tính hàng hóa nhập khẩu dùng để lắp đặt tổ hợp dây chuyền	Nhập đơn vị tính hàng hóa dùng để lắp đặt tổ hợp dây chuyền theo tờ khai hải quan	
9.17	Số Danh mục miễn thuế	Nhập số Danh mục hàng hóa miễn thuế	
9.18	Số lượng hàng hóa nhập khẩu dùng để lắp đặt tổ hợp dây chuyền	Nhập số lượng hàng hóa dùng để lắp đặt tổ hợp dây chuyền theo tờ khai hải quan	
9.19	Số lượng hàng hóa đã sử dụng để lắp đặt tổ hợp dây chuyền	Nhập số lượng hàng hóa đã sử dụng để lắp đặt tổ hợp dây chuyền	
9.20	Số lượng hàng hóa dư thừa sau lắp đặt tổ hợp dây chuyền	Nhập số lượng hàng hóa dư thừa sau lắp đặt tổ hợp dây chuyền	

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả	Bảng mã
9.21	Tên hàng hóa sau lắp đặt	Nhập tên tổ hợp, dây chuyền sau lắp đặt	
9.22	Đơn vị tính hàng hóa sau lắp đặt	Nhập đơn vị tính của hàng hóa sau lắp đặt	
9.23	Số lượng hàng hóa sau lắp đặt	Nhập số lượng của hàng hóa sau lắp đặt	
9.24	Ghi chú	Nhập thông tin cần ghi chú	

Phụ lục VIII[110]

DANH MỤC SẢN PHẨM NÔNG SẢN CHƯA QUA CHẾ BIẾN

(Kèm theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Ghi chú
			Chương 7	
			Rau và một số loại củ, thân củ, rễ ăn được	
07.01			Khoai tây, tươi hoặc ướp lạnh.	Nguyên củ đã hoặc chưa gọt vỏ
07.02	00	00	Cà chua, tươi hoặc ướp lạnh.	Nguyên quả
07.03			Hành tây, hành, hẹ, tỏi, tỏi tây và các loại rau họ hành, tỏi khác, tươi hoặc ướp lạnh.	Nguyên củ
07.04			Bắp cải, súp lơ, su hào, cải xoăn và cây họ bắp cải ăn được tương tự, tươi hoặc ướp lạnh.	Nguyên bắp, nguyên hoa, nguyên củ
07.05			Rau diếp, xà lách (*Lactuca sativa*) và rau diếp xoăn (*Cichorium spp.*), tươi hoặc ướp lạnh.	Nguyên cây
07.06			Cà rốt, củ cải, củ dền làm sa-lát, diếp củ (salsify), cần củ (celeriac), củ cải ri (radish) và các loại củ rễ ăn được tương tự, tươi hoặc ướp lạnh.	Nguyên củ đã hoặc chưa gọt vỏ

[110] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2021.

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Ghi chú
07.07	00	00	Dưa chuột và dưa chuột ri, tươi hoặc ướp lạnh.	Nguyên quả
07.08			Rau đậu, đã hoặc chưa bóc vỏ, tươi hoặc ướp lạnh.	Nguyên quả
07.09			Rau khác, tươi hoặc ướp lạnh.	Nguyên cây
07.10			Rau các loại (đã hoặc chưa hấp chín hoặc luộc chín trong nước), đông lạnh.	Nguyên cây chưa hấp chín hoặc luộc chín trong nước
07.11			Rau các loại đã bảo quản tạm thời (ví dụ, bằng khí sunphurơ, ngâm nước muối, ngâm nước lưu huỳnh hoặc ngâm trong dung dịch bảo quản khác), nhưng không ăn ngay được.	Nguyên cây
07.12			Rau khô, ở dạng nguyên, cắt, thái lát, vụn hoặc ở dạng bột, nhưng chưa chế biến thêm.	Ở dạng nguyên cây
07.14			Sắn, củ dong, củ lan, a-ti-sô Jerusalem, khoai lang và các loại củ và rễ tương tự có hàm lượng tinh bột hoặc inulin cao, tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc khô, đã hoặc chưa thái lát hoặc làm thành dạng viên; lõi cây cọ sago.	Nguyên củ; nguyên lõi
			Chương 8	
			Quả và quả hạch (nuts) ăn được; vỏ quả thuộc họ cam quýt hoặc các loại dưa	
08.01			Dừa, quả hạch Brazil (Brazil nuts) và hạt điều, tươi hoặc khô, đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc lột vỏ.	Nguyên quả tươi hoặc khô, chưa bóc vỏ hoặc chưa lột vỏ

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Ghi chú
08.02			Quả hạch (nuts) khác, tươi hoặc khô, đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc lột vỏ.	Nguyên quả tươi hoặc khô, chưa bóc vỏ hoặc chưa lột vỏ
08.03			Chuối, kể cả chuối lá, tươi hoặc khô.	Nguyên quả tươi hoặc khô
08.04			Quả chà là, sung, vả, dứa, bơ, ổi, xoài và măng cụt, tươi hoặc khô.	Nguyên quả tươi hoặc khô
08.05			Quả thuộc chi cam quýt, tươi hoặc khô.	Nguyên quả tươi hoặc khô
08.06			Quả nho, tươi hoặc khô.	Nguyên quả tươi hoặc khô
08.07			Các loại quả họ dưa (kể cả dưa hấu) và đu đủ, tươi.	Nguyên quả tươi
08.08			Quả táo (apples), lê và quả mộc qua, tươi.	Nguyên quả tươi
08.09			Quả mơ, anh đào, đào (kể cả xuân đào), mận và mận gai, tươi.	Nguyên quả tươi
08.10			Quả khác, tươi.	Nguyên quả tươi
08.11			Quả và quả hạch (nuts), đã hoặc chưa hấp chín hoặc luộc chín trong nước, đông lạnh, đã hoặc chưa thêm đường hoặc chất tạo ngọt khác.	Nguyên quả chưa hấp chín hoặc luộc chín, chưa cho thêm đường hoặc chất ngọt khác
08.12			Quả và quả hạch (nuts), được bảo quản tạm thời (ví dụ, bằng khí sunphurơ, ngâm nước muối, nước lưu huỳnh hoặc dung dịch bảo quản khác), nhưng không ăn ngay được.	Nguyên quả

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Ghi chú
08.13			Quả, khô, trừ các loại quả thuộc nhóm 08.01 đến 08.06; hỗn hợp các loại quả hạch (nuts) hoặc quả khô thuộc Chương này.	Nguyên quả
			Chương 9	
			Cà phê, chè, chè Paraguay và các loại gia vị	
09.01			Cà phê, rang hoặc chưa rang, đã hoặc chưa khử chất caffeine; vỏ quả và vỏ lụa cà phê; các chất thay thế cà phê có chứa cà phê theo tỷ lệ nào đó.	Cà phê chưa rang, chưa xay, chưa khử chất ca-phê-in, đã bóc vỏ hoặc chưa
09.02			Chè, đã hoặc chưa pha hương liệu.	Chè tươi, phơi khô, chưa pha hương liệu và chưa ủ men
09.04			Hạt tiêu thuộc chi *Piper*, quả ớt thuộc chi *Capsicum* hoặc chi *Pimenta*, khô hoặc xay hoặc nghiền.	Nguyên hạt, chưa xay hoặc nghiền
09.06			Quế và hoa quế.	Chưa xay hoặc nghiền
0907	00	00	Đinh hương (cả quả, thân và cành).	Chưa rang, xay hoặc nghiền
09.08			Hạt nhục đậu khấu, vỏ nhục đậu khấu và bạch đậu khấu.	Nguyên hạt, chưa rang, xay hoặc nghiền

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Ghi chú
09.09			Hạt của hoa hồi anise (tiểu hồi), hoa hồi badian (đại hồi), thì là, rau mùi, thì là Ai cập hoặc ca-rum (caraway); hạt bách xù (juniper berries).	Chưa rang, xay hoặc nghiền
09.10			Gừng, nghệ tây, nghệ (curcuma), húng tây, cỏ xạ hương, lá nguyệt quế, ca-ri (curry) và các loại gia vị khác.	Chưa rang, xay hoặc nghiền
			Chương 10	
			Ngũ cốc	
10.05			Ngô.	Ngô sống, chưa rang nở
10.06			Lúa gạo.	Nguyên hạt, không quá 25% tấm
10.07			Lúa miến.	Nguyên hạt
			Chương 12	
			Hạt dầu và quả có dầu; các loại hạt, hạt giống và quả khác; cây công nghiệp hoặc cây dược liệu; rơm, rạ và cỏ khô	
12.01			Đậu tương, đã hoặc chưa vỡ mảnh.	Nguyên hạt chưa vỡ mảnh chưa ăn ngay được

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Ghi chú
12.02			Lạc chưa rang, hoặc chưa làm chín cách khác, đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc vỡ mảnh.	Nguyên củ hoặc hạt, đã hoặc chưa bóc vỏ, chưa vỡ mảnh, chưa ăn ngay được
1204	00	00	Hạt lanh, đã hoặc chưa vỡ mảnh.	Nguyên hạt chưa vỡ mảnh
12.05			Hạt cải dầu đã hoặc chưa vỡ mảnh.	Nguyên hạt chưa vỡ mảnh, chưa ăn ngay được
1206	00	00	Hạt hướng dương, đã hoặc chưa vỡ mảnh.	Nguyên hạt chưa vỡ mảnh, chưa ăn ngay được
12.07			Quả và hạt có dầu khác, đã hoặc chưa vỡ mảnh.	Nguyên quả hoặc hạt chưa vỡ mảnh, chưa ăn ngay được
12.11			Các loại cây và các bộ phận của cây (kể cả hạt và quả), chủ yếu dùng làm nước hoa, làm dược phẩm hoặc thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm hoặc các mục đích tương tự, tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc khô, đã hoặc chưa cắt, nghiền hoặc xay thành bột.	Tươi hoặc khô, chưa cắt, chưa nghiền hoặc chưa xay thành bột
12.12			Quả minh quyết, rong biển và các loại tảo khác, củ cải đường (sugar beet) và mía đường, tươi, ướp lạnh, đông lạnh hoặc khô, đã hoặc chưa nghiền; hạt và nhân của hạt và các sản phẩm thực vật khác (kể cả rễ rau diếp xoăn chưa rang thuộc loài *Cichorium intybus satibium*) chủ yếu dùng làm thức ăn cho người, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác.	Tươi hoặc khô, chưa cắt, chưa nghiền hoặc xay thành bột

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Ghi chú
1213	00	00	Rơm, rạ và trấu từ cây ngũ cốc, chưa xử lý, đã hoặc chưa băm, nghiền, ép hoặc làm thành dạng viên.	Chưa băm, nghiền, ép hoặc chưa làm thành dạng viên
12.14			Cải củ Thụy Điển, cải cầu vồng (mangold), rễ cỏ khô, cỏ khô, cỏ linh lăng, cỏ ba lá, cây hồng đậu, cải xoăn, đậu lupin, đậu tằm và các sản phẩm tương tự dùng làm thức ăn cho gia súc, đã hoặc chưa làm thành viên.	Nguyên củ, nguyên cây, nguyên dạng
			Chương 13	
			Nhựa cánh kiến đỏ; gôm, nhựa cây, các chất nhựa và các chất chiết xuất từ thực vật khác	
13.01			Nhựa cánh kiến đỏ; gôm tự nhiên, nhựa cây, nhựa gôm và nhựa dầu tự nhiên (ví dụ, nhựa thơm từ cây balsam).	Chưa qua chế biến
			Chương 14	
			Vật liệu thực vật dùng để tết bện; các sản phẩm thực vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	
14.01			Nguyên liệu thực vật chủ yếu dùng để tết bện (như: tre, song, mây, sậy, liễu gai, cây bấc, cọ sợi, các loại rơm, rạ ngũ cốc đã làm sạch, tẩy trắng hoặc đã nhuộm và vỏ cây đoạn).	Chưa chuội, chưa tẩy hoặc chưa nhuộm

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Ghi chú
1404	90	99	Vật liệu thực vật chủ yếu dùng để lót hoặc nhồi (ví dụ: bông gạo, lông thực vật và rong liễu) đã hoặc chưa làm thành lớp có hoặc không có nguyên liệu phụ trợ.	Chưa làm thành lớp, không sử dụng nguyên liệu phụ trợ
1404	90	99	Vật liệu thực vật chủ yếu dùng làm chổi hoặc làm bàn chải (ví dụ: cây ngũ cốc dùng làm chổi, sợi cọ, cỏ băng, sợi thùa) đã hoặc chưa làm thành nùi hoặc bó.	Chưa làm thành nùi hoặc thành bó
			Chương 18	
			Ca cao và các chế phẩm từ ca cao	
1801	00	00	Hạt ca cao, đã hoặc chưa vỡ mảnh, sống hoặc đã rang.	Nguyên hạt chưa vỡ mảnh, sống
			Chương 40	
			Cao su và các sản phẩm bằng cao su	
40.01			Cao su tự nhiên, nhựa cây balata, nhựa két, nhựa cây cúc cao su, nhựa chicle và các loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải.	Mủ cao su tự nhiên chưa tiền lưu hóa và các loại nhựa tự nhiên tương tự ở dạng nguyên sinh

Mã hàng			Mô tả hàng hóa	Ghi chú
			Chương 53	
			Xơ dệt gốc thực vật khác; sợi giấy và vải dệt thoi từ sợi giấy	
53.03			Đay và các loại xơ libe dệt khác (trừ lanh, gai dâu và ramie), dạng nguyên liệu thô hoặc đã chế biến nhưng chưa kéo thành sợi; xơ dạng ngắn và phế liệu của các loại xơ này (kể cả phế liệu sợi và sợi tái chế).	Đay và các loại xơ libe dệt khác ở dạng nguyên liệu thô chưa kéo thành sợi
53.05			Xơ dừa, xơ chuối abaca (*Manila hemp hoặc Musa textilis Nee*), xơ gai ramie và xơ dệt gốc thực vật khác, chưa được ghi hay chi tiết ở nơi khác hoặc kể cả, thô hoặc đã chế biến nhưng chưa kéo thành sợi; xơ dạng ngắn, xơ vụn và phế liệu của các loại xơ này (kể cả phế liệu sợi và sợi tái chế).	Ở dạng nguyên liệu thô

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng